BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5174 /QĐ-TTTV-KHTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1742/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5788/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nghiêm Quang Tuấn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5174 /QĐ-TTTV-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Thực hiện Luật Tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 và Quyết định số 1742/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Quyết định số 5788/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, bước vào Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng mọi nguồn lực; nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng nền hành chính tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển với trọng tâm là xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với tư duy hạch toán hiệu quả trong phát triển đất nước; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Tập trung phát triển nguồn

nhân lực chất lượng cao. Phát triển văn hóa, xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; ưu tiên bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động công tác truyền thông chính sách, "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực", "lấy cái đẹp dẹp cái xấu"; tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, công tác mặt trận, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

(1) Góp phần cho mục tiêu tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành phấn đấu 3,5%/năm trở lên.

(2) Phấn đấu giảm tối thiểu 30% thủ tục, 30% thời gian xử lý và 30% chi phí tuân thủ, đồng thời bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết.

II. BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ tăng trưởng ngành và thúc đẩy xuất khẩu nông sản có nguồn gốc thực vật; triển khai đồng bộ các nghị quyết, chiến lược, chương trình, đề án và quy hoạch phát triển ngành. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh trồng trọt và bảo vệ thực vật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với mô hình tổ chức mới của cơ quan quản lý, đặc biệt tại địa phương theo mô hình chính quyền 2 cấp. Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết 19/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050; cùng các chiến lược, quy hoạch quốc gia và quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh nông nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại các tiểu ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng của nền kinh tế. Chuyển đổi sản xuất từ nông sản giá trị thấp sang nông sản giá trị cao; chuyển đổi các vùng lúa năng suất thấp, sản xuất một vụ sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch và có trách nhiệm; bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao, phát huy tiềm năng và lợi thế của từng vùng, địa phương. Thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; hình thành các mô hình hợp tác mới trong nông nghiệp; Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, mã số

vùng trồng, vùng nuôi nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường. Thúc đẩy chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm theo hướng "xanh", ít phát thải, bền vững thông qua ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo dõi sát diễn biến thời tiết và thị trường để điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất; tăng cường giám sát, chủ động phòng ngừa, ứng phó, xử lý kịp thời dịch bệnh trong trồng trọt.

3. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả. Phối hợp, theo dõi hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là cấp xã để kịp thời phối hợp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập, các vấn đề mới phát sinh về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu quả. Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát việc bố trí, sắp xếp đối với đội ngũ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phù hợp với phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục liên quan đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực môi trường, kiểm tra chuyên ngành, đất đai và khoáng sản;. Tăng cường triển khai thủ tục hành chính điện tử, bảo đảm giải quyết hồ sơ thông suốt, minh bạch và hiệu quả.

5. Tăng cường chuyển đổi số và đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn ngành. Triển khai hiệu quả các kế hoạch, nghị quyết về đột phá KHCN và chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nâng cao năng lực chế biến - bảo quản, cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng công nghệ cao, tự động hóa nhằm tăng giá trị gia tăng, giảm chi phí và tổn thất sau thu hoạch.Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng ĐBSCL; nhân rộng mô hình giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng gạo.giám sát dữ liệu thời tiết, đất đai, sâu bệnh; Rà soát, đơn giản hóa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng thiết thực, phù hợp chuẩn quốc tế; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành.

6. Thúc đẩy phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa thị trường; tháo gỡ rào cản kỹ thuật; mở rộng xuất khẩu chính ngạch sang thị trường truyền thống (Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nga, Brazil, Nhật Bản, Hàn Quốc…) và các thị trường mới tiềm năng (Halal, Trung Đông, Châu Phi). Nâng cao hiệu quả đàm phán, xúc tiến thương mại; quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị trong Bộ, tránh chồng chéo, kém hiệu quả. Đối với thị trường trong nước, xây dựng lộ trình và giải pháp tiêu thụ các sản phẩm thời vụ (rau, hoa, quả), dễ bị tác động bởi điều kiện tự nhiên; ổn định thị trường, kiểm soát biến động giá nông sản, thủy sản, thức ăn chăn nuôi và vật tư nông nghiệp. Tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu; bảo đảm chất lượng nông sản trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

7. Thúc đẩy mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực hỗ trợ sản xuất trồng trọt. Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước và các yếu tố đầu vào khác nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp; khai

thông nguồn lực nội tại và tạo động lực mới cho phát triển sản xuất.

8. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giải ngân vốn đầu tư công, xây dựng danh mục các dự án đầu tư công của Bộ trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 theo hướng tập trung, trọng điểm; đồng thời tăng cường phân cấp, giao rõ trách nhiệm cho người đứng đầu các đơn vị, chủ đầu tư gắn với kết quả giải ngân; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu; gắn giải ngân vốn đầu tư công với nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng tiến độ, không để thất thoát, lãng phí.

9. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc, hành vi vi phạm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, công tác cán bộ theo quy định.

10. Về quản lý, sử dụng tài sản công: Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi và đối tượng sắp xếp theo quy định; xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy đảm bảo tiến độ, tránh thất thoát, lãng phí. Thực hiện rà soát lại toàn bộ tài sản công, trụ sở làm việc không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định, không để lãng phí, thất thoát tài sản của nhà nước.

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nội dung công việc và tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình thực hiện theo *Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình này*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 này, Thủ trưởng các phòng, các đơn vị thuộc Cục tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Cục.

2. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo năm:

- Số liệu báo cáo: Từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo.

- Thời hạn báo cáo: Các phòng, các đơn vị lập báo cáo kết quả thực hiện chương trình năm trước gửi về Bộ trước ngày 05 tháng 01 năm sau để tổng hợp gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Báo cáo đột xuất: Nội dung, số liệu và thời gian thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và của Cục trưởng.

3. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Cục đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và định kỳ tổng hợp, báo cáo Cục trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.